

ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG ĐỌC Ở ĐẦU CẤP TIỂU HỌC VÀ ƯỚC LƯỢNG MỨC ĐỘ PHỔ BIẾN CỦA HỌC SINH CÓ KHÓ KHĂN VỀ ĐỌC

Bùi Thế Hợp, Phạm Thị Bền, Trần Thị Bích Ngọc,
Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Thị Cẩm Hương
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt: Kỹ năng đọc của học sinh đầu cấp tiểu học có vai trò quan trọng hàng đầu, là nền tảng cho việc học các kiến thức và kỹ năng khác. Nghiên cứu đánh giá kỹ năng đọc được thực hiện vào thời điểm cuối năm học 2023-2024 tại 8 trường tiểu học thuộc 4 tỉnh, ở miền Bắc và Miền Nam trên mẫu 927 học sinh lớp 1-3. Kết quả nghiên cứu cho thấy: 1) Trung bình tốc độ đọc thành tiếng của học sinh các lớp 1-3 đạt lần lượt 50,44; 91,61 và 113,23 chữ/phút với độ lệch chuẩn lần lượt là 21,90; 31,14 và 32,60; trong đó, chỉ số tốc độ đọc trung bình đạt được của học sinh lớp 2 và 3 cao hơn đáng kể so với mức yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; 2) Chỉ số trung bình % lỗi đọc bài giảm dần từ lớp 1-3, với 5,60% lỗi đọc ở lớp 1, giảm xuống mức 2,99% ở lớp 2 và chỉ còn 2,28% ở lớp 3; 3) Điểm trung bình kỹ năng đọc hiểu được đánh giá trên thang điểm 10 đạt mức 3,81 ở lớp 1, tăng lên mức 6,28 ở lớp 2 và đạt 7,27 ở lớp 3; 4) Tốc độ đọc thành tiếng ở học sinh lớp 1-3 là biến định lượng liên tục có dạng phân phối chuẩn; nếu lấy mốc xác định học sinh khó khăn về đọc lớp 1 là những em có tốc độ đọc thấp hơn mức trung bình 1,5 độ lệch chuẩn (tức tốc độ đọc dưới 18 chữ/phút), còn ở lớp 2 và 3 lấy mốc thấp hơn mức trung bình 2 độ lệch chuẩn (tức tốc độ đọc dưới 29 chữ/phút ở cuối lớp 2 và dưới 48 chữ/phút ở cuối lớp 3), thì cho ước lượng tỉ lệ học sinh khó khăn về đọc đầu cấp tiểu học ở mức 5,93%. Kết quả nghiên cứu có thể làm tham chiếu cho việc hỗ trợ học đọc và theo dõi sự tiến bộ học đọc của học sinh khó khăn về đọc đầu cấp tiểu học.
Từ khóa: Cấp tiểu học, đánh giá, đọc hiểu, khó khăn về đọc, kỹ năng đọc, tốc độ đọc thành tiếng.

Nhận bài ngày 05.02.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 20.03.2025
Liên hệ tác giả: Bùi Thế Hợp; email: bthop@hnue.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với học sinh đầu cấp tiểu học, kỹ năng đọc có vai trò hết sức quan trọng. Trước hết, học sinh cần học để biết đọc, sau đó là biết đọc để học. Đọc cùng với viết và tính toán tạo nên bộ ba kỹ năng học đường cốt lõi, làm cơ sở cho việc lĩnh hội và phát triển kiến thức và kỹ năng các môn học. Kỹ năng đọc là kỹ năng hợp thành, biểu hiện ở hai kỹ năng thành phần cơ bản gồm đọc thành tiếng và đọc hiểu. Kỹ năng đọc thành tiếng thể hiện ở việc đáp ứng những yêu cầu cụ thể như đọc đúng từ và đọc trôi chảy văn bản; trong khi kỹ năng đọc hiểu đòi hỏi hành động đọc thầm và sau đó trả lời được các câu hỏi về nội dung đã đọc. Việc đánh giá kỹ năng đọc của học sinh đầu cấp tiểu học được thực hiện dựa trên tham chiếu về yêu cầu cần đạt theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở môn Ngữ Văn [1].

Trong khi kỹ năng đọc có vai trò nền tảng cho việc học tập, ngay từ đầu cấp tiểu học luôn tồn tại một tỉ lệ nhất định học sinh gặp khó khăn về đọc. Khó khăn về đọc hay chứng đọc khó (dyslexia) là một dạng khó khăn học tập đặc thù xuất hiện ở lứa tuổi học đường,

với tỉ lệ dao động khoảng từ 3%-7% theo các nghiên cứu [2], [3]. Thậm chí, có ước tính tỉ lệ học sinh có hạn chế đáng kể về kĩ năng đọc dao động từ 5 đến 17%, và tỉ lệ cao được thấy ở các ngôn ngữ dùng bảng chữ cái nhưng ít có sự tương ứng 1-1 giữa chữ và âm [4], [5]. Cùng được dạy học đọc ở lớp như các bạn khác, những em có khó khăn về đọc vốn không mắc khuyết tật trí tuệ hay giác quan cũng không thiếu các điều kiện học tập nhưng lại thất bại học đọc. Trong khi đến cuối lớp 1, đa số học sinh có thể đọc thành tiếng bài đọc với yêu cầu tốc độ đạt khoảng 40 chữ đúng/phút, thì những em khó khăn về đọc sẽ đọc chậm hơn rất nhiều với tỉ lệ phần trăm lỗi đọc cao, thậm chí có em gần như chưa biết chữ. Thất bại đó được cho là do có khiếm khuyết cốt lõi về nhận thức âm vị của ngôn ngữ [6].

Đánh giá kĩ năng đọc của học sinh đầu cấp tiểu học, như đã nêu ở trên, dựa trên tham chiếu về yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình GDPT 2018. Học sinh được kiểm tra và đánh giá theo thang điểm 10; đồng thời dựa nhiều vào kinh nghiệm và cảm quan của giáo viên, hơn là ghi nhận minh chứng các chỉ số ở các miền đo về kĩ năng đọc thành tiếng và kĩ năng đọc hiểu. Trong khi đó, việc thu thập các chỉ số về tốc độ đọc thành tiếng, % lỗi đọc, điểm kĩ năng đọc hiểu là rất cần thiết cho việc so sánh và đưa ra các nhận định về kết quả dạy học kĩ năng đọc trên quy mô rộng. Thêm nữa, từ tập dữ liệu về đánh giá kĩ năng đọc của học sinh trên quy mô rộng sẽ giúp xác định tỉ lệ và các trường hợp học sinh khó khăn về đọc để có định hướng hỗ trợ các em theo nhóm nhỏ và/hoặc hỗ trợ cá nhân trong dịp hè và trong năm học tiếp theo. Hai câu hỏi được đặt ra từ nghiên cứu đánh giá này gồm: Kĩ năng đọc của học sinh cuối lớp 1, 2 và 3 như thế nào tại thời điểm đánh giá? Ước lượng tỉ lệ % học sinh có khó khăn về đọc trong mẫu nghiên cứu là bao nhiêu?

2. NỘI DUNG

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện từ 15/4 đến 15/5/2024 tại 8 trường tiểu học ở 04 tỉnh thành gồm Hà Nội, Quảng Ninh, Quảng Ngãi và Tiền Giang. Trong nghiên cứu này, học sinh lớp 1-3 được chọn ngẫu nhiên từ mỗi khối lớp, nhưng không bao gồm các em có khuyết tật trí tuệ hay khuyết tật giác quan và những học sinh vì điều kiện khác nhau không tham gia học tập đủ số buổi trong năm học theo quy định. Tổng cộng có 927 học sinh lớp 1-3 được đánh giá kĩ năng đọc. Cơ cấu mẫu nghiên cứu được mô tả ở Bảng 1.

Bảng 1. Mẫu nghiên cứu đánh giá kĩ năng đọc của học sinh lớp 1-3 (n=927)

Cơ cấu mẫu		Số lượng	Tỉ lệ %
Giới tính	Nữ	460	49,62
	Nam	467	50,37
Khối lớp	Lớp 1	307	32,12
	Lớp 2	298	32,15
	Lớp 3	322	34,74
Địa bàn	Phía Bắc	462	49,83
	Phía Nam	465	50,16

Đánh giá kĩ năng đọc được thực hiện theo hình thức kiểm tra cá nhân học sinh. Mỗi học sinh được kiểm tra về kĩ năng đọc thành tiếng và kĩ năng đọc hiểu văn bản. Ở kĩ năng đọc thành tiếng, mỗi học sinh đọc một văn bản ngắn trong thời gian tối đa là 3 phút. Sau đó, học sinh được dành 3-4 phút đọc thầm rồi trả lời các câu hỏi về nội dung văn bản để kiểm tra kĩ năng đọc hiểu. Bài đọc, các câu hỏi, đáp án tham chiếu và thang điểm được thiết kế riêng và tập huấn tới từng thành viên đoàn đánh giá. Ở miền đo kĩ năng đọc thành tiếng, 2 chỉ số

chính được đo gồm tốc độ đọc thành tiếng và % lỗi đọc. Trong nghiên cứu này, lỗi phát âm do nói ngọng hoặc phát âm theo phương ngữ không được tính là lỗi đọc.

Tốc độ đọc thành tiếng tính theo đơn vị chữ/phút, theo công thức:

$$\text{Tốc độ đọc thành tiếng} = \frac{\text{Tổng số tiếng đọc} - \text{Số lỗi đọc}}{\text{Thời gian đọc}}$$

Chỉ số % lỗi đọc được tính theo công thức: $\% \text{ lỗi đọc} = \frac{\text{Số lỗi đọc} \times 100}{\text{Tổng số tiếng đọc}}$

Ở miền đo kỹ năng đọc hiểu, có 5 câu hỏi về bài đọc, trong đó câu 1 kiểm tra kỹ năng nhận diện văn bản, câu 2-4 kiểm tra kỹ năng làm rõ nghĩa văn bản, câu 5 kiểm tra khả năng hồi đáp văn bản. Với mỗi câu hỏi học sinh trả lời đúng/hợp lý hoàn toàn được 2 điểm, đúng/hợp lý một phần được 1 điểm, không trả lời được hoặc trả lời sai được 0 điểm. Tổng điểm miền đo kỹ năng đọc hiểu là 10 điểm.

Kết quả đánh giá kỹ năng đọc của mỗi học sinh được ghi lại trong một phiếu đánh giá và mã hóa thông tin cá nhân khi nhập dữ liệu. Dữ liệu nghiên cứu được phân tích trên phần mềm Excel và SPSS. Các giá trị định tâm gồm giá trị trung bình (M) và độ lệch chuẩn (SD) của mỗi miền đo và chỉ số đo được quan tâm phân tích.

2.2. Kết quả đánh giá kỹ năng đọc của học sinh đầu cấp tiểu học

Kết quả nghiên cứu nội dung này cho thấy:

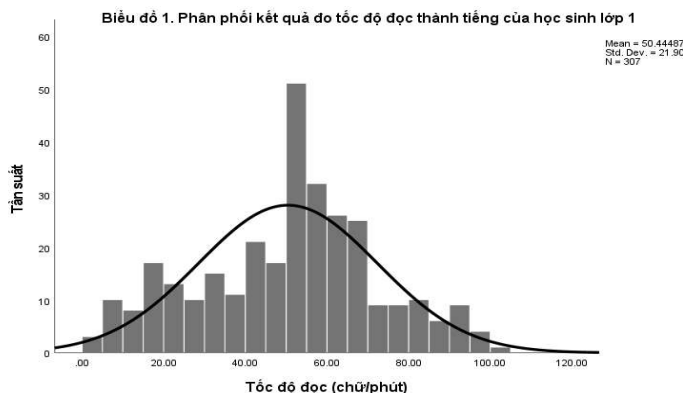
+ Ở kỹ năng đọc thành tiếng, chỉ số tốc độ đọc của học sinh lớp 1-3 lần lượt là: trung bình lớp 1 đạt 50,44 chữ/phút (SD = 21,90); lớp 2 đạt 91,61 chữ/phút (SD = 31,14); lớp 3 đạt 113,23 chữ/phút (SD = 32,60). Tỷ lệ % lỗi đọc bài của học sinh giảm dần từ lớp 1 đến lớp 3, chỉ số trung bình lần lượt là 5,60% lỗi đọc ở lớp 1; 2,29% ở lớp 2 và 2,28% ở lớp 3.

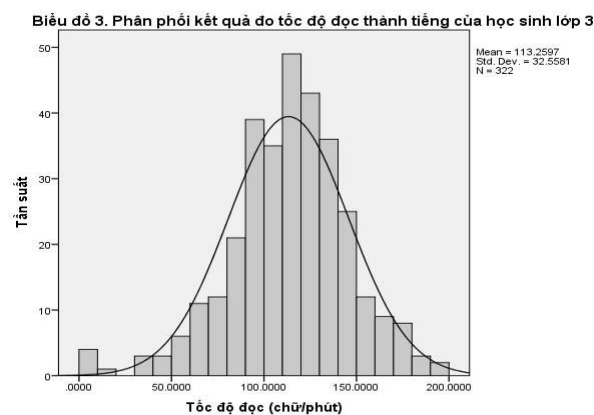
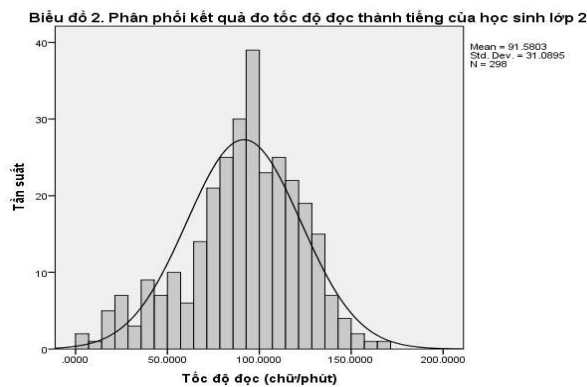
+ Ở kỹ năng đọc hiểu, với cùng một bài đọc hiểu, chấm trên thang điểm 10, trung bình học sinh các lớp 1-3 lần lượt đạt 3,81 (SD = 2,67); 6,28 (SD = 2,70); và 7,27 (2,30).

Bảng 2. Kết quả đánh giá kỹ năng đọc của học sinh lớp 1-3 (n = 927)

Miền đo và chỉ số		Lớp 1 (n ₁ =307)		Lớp 2 (n ₂ =298)		Lớp 3 (n ₃ = 322)	
		M	SD	M	SD	M	SD
Đọc thành tiếng	Tốc độ đọc (chữ/phút)	50,44	21,90	91,61	31,14	113,23	32,60
	% lỗi đọc	5,60	8,37	2,99	7,19	2,28	6,61
Đọc hiểu		3,81	2,67	6,28	2,70	7,27	2,30

Phân tích dữ liệu về chỉ số tốc độ đọc thành tiếng của học sinh lớp 1-3, ở khía cạnh về phân phối tần suất cho thấy, đây là biến định lượng liên tục có dạng phân phối chuẩn. Đặc biệt, ở lớp 2 và lớp 3 thì phân phối tần suất về kết quả đo tốc độ đọc thành tiếng của học sinh có dạng đường cong phân phối chuẩn một cách rất rõ nét (Biểu đồ 1-3).





2.3. Ước tính mức độ phổ biến của học sinh có khó khăn về đọc

Có những phương án và cách tích khác nhau để ước lượng mức độ phổ biến của học sinh có khó khăn về đọc. Do tốc độ đọc thành tiếng của học sinh lớp 1-3 là biến định lượng liên tục có dạng phân phối chuẩn, nên có thể dựa vào các giá trị trung bình và độ lệch chuẩn để xác định số lượng và tỉ lệ học sinh khó khăn về đọc ở mỗi lớp và toàn mẫu. Phương án thứ nhất lọc ra những khó khăn về đọc theo mốc kết quả đo tốc độ đọc thành tiếng thấp hơn 1,5 độ lệch chuẩn so với giá trị trung bình. Phương án thứ hai lấy mốc thấp hơn 2 độ lệch chuẩn so với trung bình. Kết quả tính của 2 phương án được trình ra ở bảng 3.

Bảng 3. Ước lượng mức độ phổ biến của học sinh khó khăn về đọc

	Tốc độ đọc < M-1,5SD		Tốc độ đọc < M- 2SD	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Lớp 1 ($n_1=307$)	29	9,45	5	1,63
Lớp 2 ($n_2=298$)	28	9,40	15	5,03
Lớp 3 ($n_3= 322$)	20	6,21	11	3,42
Toàn mẫu ($n= 927$)	77	8,30	31	3,34

Theo phương án 1, lấy mốc khó khăn về đọc là những em có tốc độ đọc thành tiếng thấp hơn 1,5 độ lệch chuẩn so với mức trung bình, thì tỉ lệ học sinh khó khăn về đọc lớp 1-3 lần lượt là 9,45%, 9,40% và 6,21%. Tỉ lệ học sinh khó khăn về đọc của toàn mẫu khi đó sẽ là 8,30%. Ở phương án 2, lấy mốc tốc độ đọc thành tiếng thấp hơn 2 độ lệch chuẩn so với trung bình, thì tỉ lệ học sinh khó khăn về đọc ở các lớp 1-3 lần lượt là 1,63%, 5,03% và 3,42%. Tỉ lệ học sinh khó khăn về đọc toàn mẫu khi đó là 3,34%.

Cũng có phương án ước tính thứ ba là xét riêng lớp 1 thì lấy mốc học sinh khó khăn về đọc có tốc độ đọc thành tiếng thấp hơn trung bình 1,5 độ lệch chuẩn, còn các lớp 2 và 3 thì lấy mốc thấp hơn trung bình 2 độ lệch chuẩn. Khi đó, số lượng học sinh khó khăn về học

của toàn mẫu sẽ là 55 em, chiếm tỉ lệ 5,93%. Như thế, tùy theo điểm mốc xác định học sinh có khó khăn về đọc lớp 1-3 dựa trên chỉ số tốc độ đọc thành tiếng sẽ cho tỉ lệ chung dao động từ 3,34% đến 8,30%.

2.4. Bàn luận

Kết quả từ nghiên cứu này cho thấy nhiều tín hiệu lạc quan. Trung bình kết quả đo tốc độ đọc thành tiếng của học sinh các lớp từ 1-3 (làm tròn số đến đơn vị) lần lượt đạt 50; 92 và 113 chữ/phút. Một nghiên cứu đánh giá thực địa tương tự thực hiện năm vào cuối tháng 5 năm 2010 cho các chỉ số tương ứng ở các lớp từ 1-3 lần lượt là 33; 68 và 79 chữ/phút [7]. Kết quả đánh giá lần này cũng cho thấy học sinh lớp 2-3 đạt được mức cao hơn hẳn so với yêu cầu đặt ra về chuẩn tốc độ đọc thành tiếng được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, và càng cao hơn so với mức chuẩn quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2010 [1], [8]. Bảng 4 dưới đây cho thấy sự so sánh.

Bảng 4. So sánh về yêu cầu chuẩn tốc độ đọc thành tiếng và các kết quả trung bình từ đánh giá thực địa (đơn vị tính: chữ/phút)

Nội dung	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3
Yêu cầu trong Chương trình 2000 [1]	30	50-60	70-80
Yêu cầu trong Chương trình 2018 [8]	40-60	60-70	70-80
Kết quả đo 5/2010 [7]	33	68	79
Kết quả đo 5/2024	50	92	113

Trong 3 phương án tính điểm mốc xác định khó khăn về đọc dựa trên tốc độ đọc thành tiếng như đã trình bày ở trên, phương án 3 tỏ ra hợp lí hơn cả. Bởi vì, nếu lấy mốc tính theo phương án 1 áp vào lớp 2 và lớp 3, thì do điểm trung bình đạt được khá cao và khá chụm, mốc xác định khó khăn về đọc sẽ quá gần với cận dưới của mức yêu cầu cần đạt trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Còn nếu áp dụng đồng loạt phương án 2 cho cả 3 lớp thì rất khó xác định học sinh khó khăn về đọc ở lớp 1. Với cách tính điểm mốc xác định khó khăn về đọc theo phương án 3, phương án tỏ ra hợp lí nhất trong 3 phương án, thì học sinh khó khăn về đọc được xác định dựa trên tốc độ đọc thành tiếng đạt được ở cuối năm học từ lớp 1-3 lần lượt thấp hơn các mốc 18; 29 và 48 chữ/phút. Khi đó, tỉ lệ học sinh khó khăn về đọc ở mức 5,93%, phù hợp với ước lượng ở nhiều nghiên cứu quốc tế, mức 3-7% [2], [3]; nhưng kết quả này cũng cao hơn một cách đáng kể so với nghiên cứu tương tự tại Việt Nam năm 2010, ở mức 3,59% [7].

3. KẾT LUẬN

Kết quả đánh giá kĩ năng đọc trên mẫu 927 học sinh lớp 1-3 cho phép rút ra một số kết luận: 1) Trung bình tốc độ đọc thành tiếng của học sinh lớp 1-3 (làm tròn đến đơn vị) đạt lần lượt 50; 92 và 113 chữ/phút; trong đó, chỉ số trung bình đạt được của học sinh lớp 2 và 3 đạt được cao hơn đáng kể so với mức yêu cầu cần đạt theo quy định trong chương trình giáo dục hiện hành; 2) Chỉ số trung bình % lỗi đọc bài giảm dần từ lớp 1-3, với 5,60% lỗi đọc ở lớp 1, giảm xuống mức 2,99% ở lớp 2 và chỉ còn 2,28% ở lớp 3; 3) Điểm trung bình kĩ năng đọc hiểu đánh giá trên thang điểm 10 đạt được mức 3,81 ở lớp 1, tăng đạt 6,28 ở lớp 2 và 7,27 ở lớp 3; 4) Tốc độ đọc thành tiếng ở học sinh lớp 1-3 là biến định lượng liên tục có dạng phân phối chuẩn; và lấy mốc xác định học sinh khó khăn về đọc lớp 1 là những em có tốc độ đọc thấp hơn mức trung bình 1,5 độ lệch chuẩn (tức tốc độ đọc dưới 18 chữ/phút), còn ở lớp 2 và 3 lấy mốc thấp hơn mức trung bình 2 độ lệch chuẩn (tức tốc độ đọc dưới 29 chữ/phút ở cuối lớp 2 và dưới 48 chữ/phút ở cuối lớp 3), thì cho ước lượng tỉ lệ học sinh khó khăn về đọc đầu cấp tiểu học ở mức 5,93%.

Việc đánh giá kĩ năng đọc của học sinh đầu cấp tiểu học, cũng như mọi đánh giá kĩ năng học đường khác, không có mục đích tự thân, mà phục vụ định hướng dạy học và giáo

dục. Kết quả các chỉ số nghiên cứu đánh giá này có thể phục vụ làm tham chiếu cho việc xác định những trường hợp học sinh cần được hỗ trợ học đọc theo nhóm nhỏ và/hoặc hỗ trợ học đọc đặc thù kiểu cá nhân trong thời gian mùa hè và trong năm học tiếp theo. Hàm ý này tương tự mô hình đáp ứng can thiệp (RTIs) với 3 tầng bậc tác động tới học sinh khó khăn về đọc [9], [10], [11]. Theo đó, ở tầng bậc đầu tiên, cần thu thập minh chứng khó khăn về đọc ở học sinh, đồng thời cung cấp các hướng dẫn học đọc dễ tiếp cận kiểu thiết kế phổ dụng cho toàn lớp. Những học sinh khó khăn về đọc không tiến bộ về kỹ năng đọc sau tầng bậc đầu tiên sẽ được hỗ trợ theo nhóm nhỏ, tức là tầng bậc thứ hai. Và nếu vẫn không tiến bộ thì sẽ được can thiệp cá nhân ở tầng bậc thứ ba. Các chỉ số đánh giá kỹ năng đọc từ nghiên cứu này cũng có thể sử dụng làm tham chiếu theo dõi sự tiến bộ trong quá trình hỗ trợ học đọc cho những học sinh khó khăn về đọc đầu cấp tiểu học ở nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
2. Fletcher J. M., Lyon G. M., Fuchs L. S., & Barnes M. A. (2019), *Learning disabilities: From identification to intervention*, (2nd Ed.). New York: Guilford.
3. Snowling M. J., & Melby-Lervag M. (2016), Oral language deficits in familial dyslexia: A meta-analysis and review, *Psychological Bulletin*, 142 (5), 498-545.
4. Ziegler J.C., & Goswami U. (2005), Reading acquisition, developmental dyslexia, and skilled reading across languages: a psycholinguistic grain size theory, *Psychol. Bull.* 131:3. doi: 10.1037/0033-2909.131.1.3.
5. Shaywitz S. E., Morris R., and Shaywitz B. A. (2008), The education of dyslexic children from childhood to young adulthood, *Annu. Rev. Psychol.* 59, 451–475. doi: 10.1146/annurev.psych.59.103006.093633.
6. Snowling M. (1998), Dyslexia as a Phonological Deficit: Evidence and Implications, *Child Psychology and Psychiatry Review*, 3 (1), 4-11.
7. Bùi Thế Hợp (2014), Mức độ phổ biến của học sinh khó khăn về đọc trong một mẫu nghiên cứu, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt, 8/2014, tr.26-28.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình Giáo dục phổ thông: cấp Tiểu học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Fuchs D., and Fuchs L. S. (2006), Introduction to response to intervention: what, why, and how valid is it? *Read. Res. Q.* 41,93–99. doi: 10.1598/RRQ.41.1.4.
10. Fuchs L. S., and Fuchs D. (2007), A model for implementing responsiveness to intervention, *Teach. Except. Child.* 39, pp.14-20.
11. Fletcher J. M., and Vaughn S. (2009), Response to intervention: preventing and remediating academic difficulties, *Child Dev. Perspect.* 3, pp.30-37. doi: 10.1111/j.1750-8606.2008.00072.

ASSESSING THE READING SKILL OF STUDENTS AT INITIAL GRADES OF PRIMARY EDUCATION AND ESTIMATING THE PREVALENCE OF SPECIFIC READING DIFFICULTY

Abstract: Reading skill of students at initial grades of primary education is extremely importance, to be foundation for learning other skills and knowledge. This research of reading assessment was conducted at the end of academic year 2023-2024 in 8 primary schools of 4 provinces including the North and the South of Vietnam, with the sample of 927 students grade 1-3. It found that: 1) Mean (M) of reading rate of students grade 1-3

respectively achieved 50.44; 91.61 and 113.23 words/minute; with standard deviation (SD) was respectively 21.90; 31.14 and 32.60. Those reading rate indicators at grade 2 and 3 showed significant higher than the requirement by current educational curriculum; 2) Mean of reading error percentage gradually reduced from grade 1 to 3, with 5.60% reading error at grade 1, down to 2.99% at grade 2 and only 2.28% at grade 3; 3) Mean of reading comprehensive scores (scale 0-10) achieved 3.81 at grade 1; up to 6.28 at grade 2 and got 7.27 at grade 3; 4) Reading rate of students grade 1-3 found to be normally distribution; and if the cut-off point of grade 1 was 1.5 SD below M (reading rate under 18 words/minute), while the cut-off point of grade 2 and 3 were 2 SD below M (reading rate under 29 words/minute at the end of grade 2, and under 48 words/minute at the end of grade 3), then the prevalence of specific reading difficulty estimated 5.93%. The findings may be used as a reference source for reading instruction and for progressive monitoring on reading skill of students with specific reading difficulty at initial grades of primary education in Vietnam.

Key words: *Primary education, assessment, reading comprehension, specific reading difficulty, reading skill, reading rate.*